

TP.HCM, ngày 26 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ NĂM 2023

(Căn cứ Phụ lục số XXV kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC)

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

I. Thông tin về quỹ

1. Tên của quỹ, loại hình quỹ:

- Tên quỹ: **Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu DFVN**
- Sau đây gọi tắt là “**Quỹ**” hoặc “**DFVN-FIX**”
- Loại hình quỹ: Quỹ mở

2. Mục tiêu đầu tư của quỹ:

Quỹ DFVN-FIX hướng tới mục tiêu tăng trưởng bền vững trong trung và dài hạn thông qua việc đầu tư vào các tài sản thu nhập cố định có chất lượng tín dụng tốt.

3. Thời hạn hoạt động của quỹ: không xác định

4. Danh mục tham chiếu (benchmark portfolio): không áp dụng

5. Chính sách phân chia lợi nhuận:

Như đã được đề cập trong Bản cáo bạch, Quỹ đầu tư chủ yếu vào tài sản có thu nhập cố định với mục tiêu chính là tăng trưởng giá trị vốn trong giai đoạn trung và dài hạn. Do đó, Quỹ có hạn chế trong việc chia cổ tức hàng năm. Việc phân phối lợi nhuận (nếu có) sẽ dựa trên cơ sở báo cáo tài chính kiểm toán của Quỹ trong khuôn khổ quy định của pháp luật, theo đề xuất của Công ty Quản lý Quỹ, và được Đại hội Nhà đầu tư thông qua. Việc chi trả lợi nhuận bảo đảm nguyên tắc:

- Lợi nhuận phân phối cho nhà đầu tư được lấy từ nguồn lợi nhuận trong kỳ hoặc lợi nhuận lũy kế sau khi Quỹ đã hoàn tất mọi nghĩa vụ thuế, tài chính theo quy định pháp luật;
- Mức chi trả lợi nhuận phải phù hợp với chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ quy định tại Điều lệ Quỹ và được Đại hội Nhà đầu tư thông qua;
- Sau khi chi trả, Quỹ vẫn phải đảm bảo có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và giá trị tài sản ròng của Quỹ sau khi chi trả lợi nhuận phải không thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng;
- Trường hợp phân phối lợi nhuận bằng chứng chỉ Quỹ, Quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán

hoặc soát xét.

Hình thức phân phối lợi nhuận bằng tiền hoặc bằng đơn vị chứng chỉ Quỹ. Việc phân chia lợi nhuận bằng đơn vị chứng chỉ Quỹ phải được sự chấp thuận trước của Đại hội Nhà đầu tư hoặc được sự chấp thuận của Ban Đại diện Quỹ (nếu Đại hội Nhà đầu tư gần nhất đã ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ). Chỉ những nhà đầu tư có tên trên danh sách nhà đầu tư sở hữu đơn vị chứng chỉ Quỹ tại ngày chốt quyền mới được nhận cổ tức từ Quỹ.

Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân chia lợi nhuận cho nhà đầu tư.

Công ty Quản lý Quỹ được phân chia tài sản của Quỹ cho nhà đầu tư nhiều hơn lợi nhuận đã thực hiện, nhưng phải bảo đảm giá trị tài sản ròng của Quỹ sau khi thực hiện không được thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng. Kế hoạch, lộ trình thực hiện, quy mô tài sản phân chia, nguồn vốn thực hiện phải được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận.

6. Số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày 31/12/2023: 6.247.540,38 đơn vị quỹ

7. Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong kỳ báo cáo:

Không có nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong kỳ báo cáo.

8. Nội dung Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư trong kỳ báo cáo:

Vào ngày 27/04/2023, Đại hội Nhà đầu tư đã thông qua Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư với các nội dung như sau:

- Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động năm 2022 của Quỹ DFVN-FIX;
- Thông qua Báo cáo Tài chính Năm 2022 đã được kiểm toán của Quỹ DFVN-FIX;
- Thông qua kế hoạch ngân sách hoạt động của Ban Đại diện Quỹ DFVN-FIX năm 2023:
 - ✓ Thông qua mức thù lao của Ban Đại diện Quỹ là 3.000.000 VNĐ/tháng/người;
 - ✓ Thông qua tổng thù lao của các thành viên Ban Đại diện Quỹ DFVN-FIX trong năm 2023 là: 108.000.000 VNĐ.
- Thông qua nội dung ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ lựa chọn 01 (một) trong 03 (ba) Công ty Kiểm toán KPMG, PWC và Deloitte Việt Nam để thực hiện kiểm toán cho Năm Tài chính 2023 của Quỹ DFVN-FIX;
- Thông qua nội dung ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ quyết định mức Giá Dịch vụ Quản lý Quỹ trả cho Công ty Quản lý Quỹ, bao gồm:
 - ✓ Ban Đại diện Quỹ được quyết định mức Giá Dịch vụ Quản lý Quỹ thấp hơn mức $0,9\% * NAV/năm$ hoặc bằng mức $0,9\% * NAV/năm$ nhưng không được vượt quá mức $0,9\% * NAV/năm$ như quy định tại Điều lệ Quỹ DFVN-FIX (Điều 61.1);
 - ✓ Mức Giá Dịch vụ Quản lý Quỹ cụ thể do Ban Đại diện Quỹ quyết định sẽ được quy định tại Bản Cáo bạch để áp dụng và thực hiện;
 - ✓ Thời gian áp dụng mức Giá Dịch vụ Quản lý Quỹ cụ thể sẽ được Ban Đại diện Quỹ cân nhắc trên cơ sở làm việc với Công ty Quản lý Quỹ hoặc đề xuất của Công ty Quản lý Quỹ;
 - ✓ Ban Đại diện Quỹ được tối đa hai (02) lần quyết định mức Giá Dịch vụ Quản lý

Quỹ trong khoảng thời gian kể từ khi Nghị quyết này có hiệu lực cho đến khi Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư kế tiếp có hiệu lực.

9. Ý kiến nhận xét của Ngân hàng giám sát (“NHGS”) về các nội dung quy định tại điều 79 của thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (“thông tư 98”):

Công ty TNHH một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam (“CTQLQ”) đã thực hiện nghiêm chỉnh việc lập và gửi các báo cáo tuần, tháng, và quý của Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu DFVN (“DFVN-FIX”) theo quy định cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.

II. Báo cáo về kết quả hoạt động của quỹ

1. Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của quỹ:

- Danh mục của Quỹ DFVN-FIX:

Cơ cấu tài sản quỹ	31/12/2023 (%)	31/12/2022 (%)	31/12/2021 (%)
1. Danh mục chứng khoán cơ cấu	37,78	38,56	9,49
2. Tiền và các khoản tương đương tiền	3,10	3,10	41,58
3. Tài sản khác	59,12	58,34	48,93
Cộng	100,00	100,00	100,00

- Giá trị tài sản ròng của quỹ:

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2022	31/12/2021
Giá trị tài sản ròng của quỹ (VND)	68.877.011.888	63.434.389.971	63.074.823.316
Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tại ngày báo cáo (VND/CCQ)	11.024,66	10.193,01	10.108,38
Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành (CCQ)	6.247.540,38	6.223.320,66	6.239.853,68
Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cao nhất trong kỳ (VND/CCQ)	11.108,17	10.354,10	10.108,38
Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ thấp nhất trong kỳ (VND/CCQ)	10.195,65	10.061,64	9.982,19

- Tổng lợi nhuận của quỹ:

Chỉ tiêu (Đơn Vị tính: VND)	31/12/2023	31/12/2022	31/12/2021
Tổng thu nhập của Quỹ	6.623.586.739	1.957.940.169	2.122.150.254
- Tiền lãi được nhận	5.051.947.531	3.450.102.058	2.118.133.284
- Các khoản thu nhập khác	1.539.208	438.111	4.016.970
- Chênh lệch tăng (giảm) đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	1.570.100.000	(1.492.600.000)	-
Tổng chi phí của Quỹ	1.453.990.745	1.435.189.614	1.446.112.847

Tổng lợi nhuận của Quỹ	5.169.595.994	522.750.555	676.037.407
-------------------------------	---------------	-------------	-------------

- Lợi nhuận phân phối trên một đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo: *Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận trong kỳ báo cáo.*

- Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ và Tốc độ vòng quay danh mục của quỹ:

CHỈ TIÊU	Năm 2023 (%)	Năm 2022 (%)	Năm 2021 (%)
Tỷ lệ phí quản lý trả cho công ty quản lý quỹ trên Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ	0,90	0,90	0,90
Tỷ lệ phí lưu ký, giám sát trả cho Ngân hàng Giám sát trên Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ	0,54	0,57	0,58
Tỷ lệ chi phí dịch vụ quản trị quỹ, chi phí dịch vụ đại lý chuyên nhượng và các chi phí khác mà công ty quản lý quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan trên Giá trị tài sản ròng của quỹ trung bình trong kỳ	0,36	0,41	0,66
Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán trên Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ	0,21	0,21	0,23
Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho ban đại diện quỹ trên Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ	0,16	0,17	0,17
Tỷ lệ chi phí hoạt động trên Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ	2,18	2,27	2,57
Tốc độ vòng quay danh mục	0,00	16,19	5,32

- Thông tin về các khoản vay nợ, các hạng mục thanh toán trả sau, các giao dịch repo/reverse repo: *không có*

2. Chỉ tiêu về lợi nhuận của quỹ:

	Năm 2023	Năm 2022	Từ ngày thành lập đến 31/12/2021

Tổng lợi nhuận (VND)	5.169.595.994	522.750.555	676.037.407
-----------------------------	---------------	-------------	-------------

Tổng lợi nhuận bình quân năm của quỹ tính từ ngày thành lập quỹ (4/2/2021) tới ngày lập báo cáo: 2.122.794.652 (VND)

3. Các chỉ tiêu so sánh khác:

Chỉ tiêu	Năm tài chính kết thúc ngày 31/12 năm		
	2023	2022	2021
1. Quy mô Quỹ đầu kỳ (tính theo mệnh giá CCQ)			
<i>Tổng giá trị CCQ đang lưu hành đầu kỳ (VND)</i>	62.233.206.600	62.398.536.800	-
<i>Tổng số lượng đơn vị chứng chỉ quỹ đang lưu hành đầu kỳ (CCQ)</i>	6.223.320,66	6.239.853,68	-
2. Thay đổi quy mô Quỹ trong kỳ (tính theo mệnh giá CCQ)			
<i>Số lượng đơn vị chứng chỉ quỹ phát hành thêm trong kỳ (CCQ)</i>	243.218,74	130.919,55	6.391.071,93
<i>Giá trị vốn góp phát hành thêm trong kỳ (theo mệnh giá) (VND)</i>	2.432.187.400	1.309.195.500	63.910.719.300
<i>Số lượng đơn vị chứng chỉ quỹ mua lại trong kỳ (CCQ)</i>	(218.999,02)	(147.452,57)	(151.218,25)
<i>Giá trị vốn góp mua lại trong kỳ khi đáp ứng lệnh của nhà đầu tư (theo mệnh giá) (VND)</i>	(2.189.990.200)	(1.474.525.700)	(1.512.182.500)
3. Quy mô Quỹ cuối kỳ (tính theo mệnh giá CCQ)			
<i>Tổng giá trị CCQ đang lưu hành cuối kỳ (VND)</i>	62.475.403.800	62.233.206.600	62.398.536.800
<i>Tổng số lượng đơn vị chứng chỉ quỹ đang lưu hành cuối kỳ (CCQ)</i>	6.247.540,38	6.223.320,66	6.239.853,68
4. Tỷ lệ nắm giữ CCQ của Công ty Quản lý Quỹ và người có liên quan cuối kỳ (%)	96,33	97,20	96,92
5. Tỷ lệ nắm giữ CCQ của 10 nhà đầu tư lớn nhất cuối kỳ (%)	97,58	97,90	98,11
6. Tỷ lệ nắm giữ CCQ của nhà đầu tư nước ngoài cuối kỳ (%)	96,04	96,41	96,16
7. Số nhà đầu tư tham gia vào quỹ cuối kỳ	618	481	611
8. NAV/CCQ cuối kỳ (VND)	11.024,66	10.193,01	10.108,38

- Phương thức, nguyên tắc xác định giá trị tài sản, giá trị lợi nhuận là thống nhất, đã được công bố và được thẩm định bởi một tổ chức độc lập khác. Phương pháp xác định giá trị tài sản được quy định trong Sổ tay định giá được lập bởi Công ty Quản lý quỹ, được Ban Đại diện Quỹ thông qua

và kiểm tra, rà soát bởi Ngân hàng giám sát.

- Dữ liệu được cung cấp bởi một tổ chức độc lập: giá chứng khoán được cung cấp bởi các tổ chức dịch vụ cung cấp báo giá độc lập, uy tín trên thị trường.

4. Khuyến cáo: Thông tin về kết quả hoạt động của Quỹ chỉ mang tính tham khảo và không có nghĩa là việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho Nhà đầu tư trong tương lai.

III. Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ

a) Thuyết minh về việc thay đổi Công ty quản lý quỹ: *Quỹ không có thay đổi Công ty Quản lý Quỹ trong kỳ báo cáo;*

b) Thuyết minh về việc quỹ có đạt được mục tiêu đầu tư (thuyết minh này chỉ cần thiết tại báo cáo hàng năm của quỹ): *Quỹ đã đạt mục tiêu đầu tư theo quy định tại bản cáo bạch.*

c) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong cùng kỳ báo cáo (bảng đồ thị): *không áp dụng do Quỹ không có chỉ số tham chiếu, danh mục tham chiếu cụ thể.*

d) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong khoảng thời gian 05 năm gần nhất, tính tới ngày báo cáo (bảng đồ thị): *không áp dụng do Quỹ không có chỉ số tham chiếu, danh mục tham chiếu cụ thể.*

e) Mô tả chiến lược, chiến thuật đầu tư mà quỹ đã sử dụng trong kỳ báo cáo. Trường hợp có sự khác biệt giữa chiến lược, chiến thuật đầu tư thực hiện trong kỳ so với chiến lược, chiến thuật đầu tư đã công bố tại Bản cáo bạch, thì phải bổ sung thuyết minh và đánh giá ưu, nhược điểm của chiến lược, chiến thuật đầu tư đã thực hiện trong kỳ;

Quỹ DFVN-FIX giữ nguyên chiến lược đầu tư như đã công bố trong Bản cáo bạch của Quỹ, đầu tư vào các tài sản thu nhập cố định của doanh nghiệp có chất lượng tín dụng tốt và lợi suất hấp dẫn.

f) Mô tả sự khác biệt về cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ tại thời điểm báo cáo, so với danh mục đầu tư của quỹ năm liền kề năm báo cáo: *Không có sự khác biệt đáng kể.*

g) Phân tích kết quả hoạt động của quỹ dựa trên việc so sánh giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (sau khi đã điều chỉnh phân lợi nhuận đã phân phối, nếu có) tại kỳ báo cáo này tại kỳ báo cáo gần nhất:

Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Quỹ tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2023 đạt VND11.024,66 tăng 8.16% so với giá trị tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2022 đạt VND10.193,01.

h) Đánh giá biến động của các thị trường trong kỳ báo cáo, kể cả thị trường nước ngoài, mà quỹ đầu tư vào, thông tin về lợi nhuận đầu tư đối với từng loại tài sản:

Kinh tế Xã hội năm 2023 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức. Khi xung đột địa chính trị giữa Nga và Ukraina chưa có dấu hiệu kết thúc, thì tiếp tục xảy ra thêm các cuộc giao tranh tại khu vực Trung Đông. Biến đổi khí hậu, thiên tai cũng đã tác động tiêu cực đến quá trình phục hồi của các nền kinh tế lớn trên thế giới. Lạm phát các quốc gia tăng cao trong phần lớn thời gian của năm 2023, tuy đã hạ nhiệt từ quý 3 nhưng vẫn còn neo ở mức cao, nhiều nền kinh tế lớn duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt và tăng lãi suất; thương mại, tiêu dùng và đầu tư toàn cầu tiếp tục suy giảm; ảnh hưởng đến hoạt động xuất, nhập khẩu của nhiều

khu vực và thế giới. Nhiều quốc gia, trong đó có các đối tác thương mại lớn của Việt Nam tăng trưởng chậm lại, nợ công tăng cao, tiềm ẩn nhiều rủi ro.

Đối với tình hình trong nước, Chính phủ đã tiếp tục áp dụng nhiều giải pháp để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế như yêu cầu các Ngân hàng thương mại giảm mặt bằng lãi suất cho vay; thúc đẩy tăng trưởng tín dụng cho nền kinh tế; ổn định thị trường ngoại hối; thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công; triển khai các gói tín dụng hỗ trợ các ngành, lĩnh vực ưu tiên; miễn, giảm, gia hạn thuế, phí, tiền sử dụng đất... Tuy vậy khả năng hấp thụ vốn tín dụng của nền kinh tế còn thấp so với các năm trước khi nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp khá yếu, thị trường bất động sản vẫn tiếp tục trong xu thế khó khăn, hoạt động xuất nhập khẩu gặp nhiều thách thức dù đã bắt đầu phục hồi trong quý 4.

Trong bối cảnh chung như vậy, kinh tế vĩ mô của Việt Nam được đánh giá ổn định và phục hồi tốt, tổ chức đánh giá tín nhiệm Fitch Ratings trong kỳ đánh giá tháng 12 năm 2023 đã nâng hạng tín nhiệm quốc gia dài hạn của Việt Nam lên mức BB+, triển vọng “Ổn định”. Tính chung cả năm 2023, mặc dù GDP tăng trưởng 5,05%, chỉ cao hơn mức 2,87% và 2,55% của năm 2020 và năm 2021 trong cả giai đoạn 2011-2023, tuy nhiên xu hướng tăng trưởng là dần tích cực hơn với quý sau cao hơn quý trước (quý I tăng 3,41%, quý II tăng 4,25%, quý III tăng 5,47%, quý IV tăng 6,72%). Trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,83%, đóng góp 8,84%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 3,74%, đóng góp 28,87%; khu vực dịch vụ tăng 6,82%, đóng góp 62,29%.

Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa năm 2023 ghi nhận mức 683 tỷ USD, tương ứng suy giảm 6,6% so với năm 2022, trong đó kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 355,5 tỷ USD, giảm 4,4%; nhập khẩu hàng hóa đạt 327,5 tỷ USD, giảm 8,9%. Cán cân thương mại hàng hóa năm 2023 ước tính xuất siêu kỷ lục 28 tỷ USD (so với mức suất siêu năm 2022 là 11,2 tỷ USD). Chỉ số quản trị mua hàng – PMI kỳ tháng 12 năm 2023 là tháng thứ 4 liên tiếp nằm dưới 50, ghi nhận ở mức 48,9; PMI cho thấy tình hình sản xuất trong năm 2023 còn nhiều khó khăn khi các doanh nghiệp đang thiếu hụt các đơn hàng, đồng thời khó khăn trong việc tăng giá bán bất chấp chi phí đầu vào tăng cao. Tình hình thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (“FDI”) của năm 2023 duy trì tích cực, số liệu cập nhật của Tổng Cục Thống Kê cho thấy tính đến ngày 20/12/2023 bao gồm: Vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt gần 36,6 tỷ USD, tăng 32,1% so với năm trước. Trong khi đó, vốn thực hiện năm 2023 ước đạt 23,18 tỷ USD, tăng 3,5% so với năm trước. Đây là số vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện cao nhất trong 5 năm qua. Bên cạnh thu hút FDI, kiểm soát lạm phát của năm 2023 là điểm sáng tích cực, lạm phát tháng 12 tăng 0,12% so với tháng 11 và tương ứng tăng 3,58% so với cùng kỳ năm 2022. Tính chung cả năm 2023, CPI tăng 3,25% so với năm trước, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra.

Thanh khoản hệ thống ngân hàng dồi dào, cùng với chi phí vốn thấp do lãi suất liên tục giảm trong năm 2023 đã giúp cho thị trường trái phiếu chính phủ sôi động. Tổng khối lượng phát hành trái phiếu chính phủ trong năm 2023 đạt 298.476 tỷ đồng, hoàn thành 97.86% kế hoạch sau điều chỉnh của Kho Bạc cho năm 2023, tăng 39.01% so với năm 2022. Lãi suất phát hành bình quan trong năm 2023 là 3.21% (giảm 27bps, từ mức 3.48% năm 2022)..

Năm 2024, Chính phủ đã tiếp tục đặt mục tiêu đẩy mạnh giải ngân đầu tư công và đây cũng là động lực quan trọng nhằm thúc đẩy kinh tế, hỗ trợ phục hồi sau đại dịch. Trong bối cảnh nguồn vốn huy động cho đầu tư phát triển từ quốc tế suy giảm, đặc biệt là vốn ODA, nguồn vốn huy động trong nước sẽ tiếp tục đóng vai trò quan trọng và áp lực phát hành trái phiếu chính phủ là rất lớn.

Thị trường Trái phiếu Chính phủ đang và sẽ tiếp tục đóng vai trò then chốt trên thị trường Trái phiếu, và là kênh huy động vốn quan trọng của Nhà nước cho nhu cầu vốn ngân sách Nhà nước, giải ngân đầu tư công trong năm 2024 và các năm sau.

Với việc kiểm soát tốt lạm phát trong nước, Ngân hàng nhà nước đã có những cơ sở tiếp tục điều hành chính sách tiền tệ theo hướng nới lỏng và nỗ lực duy trì mặt bằng lãi suất hợp lý nhằm hỗ trợ phục hồi kinh tế trong năm 2024. Thanh khoản hệ thống dư thừa, cùng với nhu cầu đầu tư các tài sản có tính thanh khoản cao, đồng thời chính sách thúc đẩy đầu tư công sẽ là những động lực giúp cho thị trường trái phiếu chính phủ tiếp tục sôi động trong năm 2024.

Riêng đối với thị trường trái phiếu doanh nghiệp sau giai đoạn niềm tin suy giảm kết hợp với thanh khoản dòng tiền trả nợ trái phiếu của nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn đã khiến thị trường này gia tăng rủi ro, tuy nhiên đã có tín hiệu cho thấy xu hướng trở lại của hoạt động phát hành mới từ cuối Quý 3. Bên cạnh đó thị trường giao dịch thứ cấp trái phiếu doanh nghiệp được vận hành chính thức tại HNX từ ngày 19/7/2023 đã tạo sự thanh khoản trên thị trường, tăng cường tính công khai, minh bạch của thị trường và củng cố niềm tin cho nhà đầu tư, hỗ trợ thị trường này phát triển minh bạch và bền vững hơn trong tương lai.

i) Thông tin về việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ (nếu có); ảnh hưởng của việc chia tách đơn vị quỹ và giá trị tài sản ròng trên từng đơn vị quỹ (trước và sau khi chia, tách): *Quỹ không thực hiện chia tách đơn vị quỹ trong kỳ*

k) Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ:

Quyền lợi của Nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ như theo quy định tại Điều lệ quỹ và Bản Cáo bạch.

l) Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan:

Quỹ không thực hiện hoạt động đầu tư, giao dịch tài sản giữa Quỹ với Công ty Quản lý Quỹ và người có quyền lợi liên quan; ngoại trừ giao dịch Chứng chỉ Quỹ của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ (các giao dịch này được công bố thông tin, báo cáo theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán), các khoản chi phí phù hợp với quy định tại Điều lệ Quỹ, Bản Cáo bạch.

m) Các thông tin khác (nếu có): *Không có*

IV. Báo cáo về hoạt động giám sát của ngân hàng giám sát cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023:

1. Công ty Quản lý Quỹ vi phạm các quy định tại điều 90, điều 91 của Luật Chứng khoán và khoản 1, khoản 2 điều 75 của thông tư 98: Không có.
2. Công ty Quản lý Quỹ định giá sai Chứng chỉ Quỹ (“CCQ”) mở:
 - 2.1. Đối với trường hợp mức độ định giá sai là lớn theo quy định tại khoản 1 điều 36 của thông tư 98: Không có.
 - 2.2. Đối với trường hợp mức độ định giá sai là nhỏ, không phải bồi thường cho nhà

đầu tư: Không có.

3. Công ty Quản lý Quỹ vi phạm các quy định về hạn chế đầu tư, hạn chế vay, hạn chế giao dịch tại điều 110 của Luật chứng khoán; điều 24, điều 25 và điều 35 của thông tư 98: không có.
4. Công ty Quản lý Quỹ vi phạm các quy định về phân phối chứng chỉ quỹ: không có.
5. Công ty Quản lý Quỹ vi phạm các quy định khác mà NHGS phát hiện: không có
6. Các hoạt động khác: không có

V. Báo cáo về hoạt động ủy quyền

1. Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của quỹ trong năm kết thúc ngày 31/12/2023:

Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền	Tỷ lệ so với lợi nhuận (%)	Tỷ lệ so với thu nhập (%)	Tỷ lệ so với Tổng chi phí hoạt động (%)
Phí dịch vụ Quản trị Quỹ mở	2,04	1,59	7,26
Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	2,55	1,99	9,08

2. Việc đăng ký sở hữu tài sản: *không áp dụng*

3. Các ảnh hưởng của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của quỹ: *Không có*

4. Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho công ty quản lý quỹ): *Không có*

5. Trong quá trình hoạt động của Quỹ, Công ty cho rằng dịch vụ Quản trị Quỹ của Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam), dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng của Tổng Công ty lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) vẫn đáp ứng theo yêu cầu về khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa, bảo đảm hoạt động ủy quyền cung cấp các dịch vụ Quản trị Quỹ và Đại lý Chuyển nhượng cho Quỹ Đầu tư Trái phiếu DFVN (DFVN-FIX) được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư.

**Tổng Giám đốc Công Ty TNHH MTV
Quản Lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**

Trần Châu Danh